

Số: 1143./QĐ-CĐKTKT-ĐT

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên K18
Hệ Cao đẳng liên thông đào tạo theo hệ thống tín chỉ
Đợt tháng 11/2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT

Căn cứ Quyết định số 4507/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/8/2005 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐT BXH, ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; Quy chế kiểm tra, thi và xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ thông tư số 15/2021/TT-BLĐT BXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh & Xã hội Quy định về Điều lệ Trường Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 235/QĐ-CĐKTKT-ĐT ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc ban hành Quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ và kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ kết luận của Hội đồng xét tốt nghiệp ngày 23 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên K18CD/LT;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo-QLKH&HTQT;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành cho 64 sinh viên K18 hệ Cao đẳng Liên thông ngành Điện tử CN, Điện Công nghiệp, Công nghệ kỹ thuật Điện điện tử (khóa học 2022-2023) đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Không công nhận tốt nghiệp đối với 56 sinh viên thuộc khóa học trên do chưa đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp.

(Có danh sách kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Trưởng, Phó phòng Đào tạo-QLKH&HTQT; Phòng Công tác HSSV; Kế toán trưởng; Các Khoa có liên quan và các học sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- BGH(báo cáo);
- Phòng TH(đưa lên website);
- Lưu VT, P.ĐT-QLKH&HTQT.



HIỆU TRƯỞNG

T.S Ngô Xuân Hoàng

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

(Kèm theo Quyết định số: 1143 /QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 24 tháng 11 năm 2023)

Lớp: K18CD- Điện công nghiệp/Liên thông

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	CDT1202226520227LT01	La Hồng	Anh	19/12/2004	26	6,42	2,12	Trung bình	
2	CDT1202226520227LT02	Vương Quốc	Anh	23/07/2004	26	6,97	2,54	Khá	
3	CDT1202226520227LT03	Hà Văn	Chiến	16/08/2004	26	7,21	2,54	Khá	
4	CDT1202226520227LT10	Hà Việt	Dũng	15/06/2004	26	7,27	2,88	Khá	
5	CDT1202226520227LT61	Lê Khánh	Duy	18/08/2004	26	7,03	2,73	Khá	
6	CDT1202226520227LT07	Nguyễn Minh	Định	27/11/2004	26	7,83	3,15	Khá	
7	CDT1202226520227LT14	Đỗ Văn	Giang	22/01/2003	26	7,13	2,69	Khá	
8	CDT1202226520227LT04	Tạ Anh	Hào	04/12/2001	26	7,17	2,65	Khá	
9	CDT1202226520227LT17	Nguyễn Đức	Hân	09/12/2003	26	6,99	2,58	Khá	
10	CDT1202226520227LT60	Lê Duy	Hiền	31/12/2004	26	6,73	2,46	Trung bình	
11	CDT1202226520227LT18	Nguyễn Đình	Hiền	05/02/2004	26	6,87	2,62	Khá	
12	CDT1202226520227LT21	Phạm Công	Hoan	29/04/2004	26	7,05	2,46	Trung bình	
13	CDT1202226520227LT27	Hà Văn	Kiên	20/12/2003	26	7,22	2,69	Khá	
14	CDT1202226520227LT28	Tạ Trung	Kiên	27/02/2003	26	7,08	2,65	Khá	
15	CDT1202226520227LT30	Trần Quang	Linh	13/05/2004	26	7,25	2,73	Khá	
16	CDT1202226520227LT11	Đặng Đình	Lực	27/01/2004	26	6,84	2,31	Trung bình	
17	CDT1202226520227LT19	Nguyễn Văn	Mạnh	23/05/2004	26	6,96	2,62	Khá	
18	CDT1202226520227LT32	Phạm Văn	Mạnh	19/10/2004	26	7,22	2,73	Khá	
19	CDT1202226520227LT33	Dương Văn	Nam	18/10/2004	26	7,05	2,65	Khá	
20	CDT1202226520227LT34	Mai Quốc	Nam	05/09/2004	26	6,9	2,65	Khá	
21	CDT1202226520227LT36	Trần Văn	Nam	07/02/2004	26	6,69	2,38	Trung bình	
22	CDT1202226520227LT37	Nguyễn Thế	Phương	13/11/2005	26	6,99	2,65	Khá	
23	CDT1202226520227LT38	Hà Minh	Quang	10/07/2005	26	7,09	2,65	Khá	
24	CDT1202226520227LT39	Đỗ Ngọc	Quyền	09/10/2004	26	7,83	3,04	Khá	
25	CDT1202226520227LT44	Dương Văn	Thắng	01/03/2003	26	6,94	2,5	Khá	
26	CDT1202226520227LT45	Nguyễn Đức	Thắng	13/07/2004	26	6,74	2,5	Khá	
27	CDT1202226520227LT26	Trần Xuân	Thuần	04/03/2004	26	6,99	2,77	Khá	
28	CDT1202226520227LT49	Hoàng Văn	Tiến	20/11/2004	26	7,39	2,88	Khá	

29	CDT1202226520227LT50	Nguyễn Văn	Toàn	05/10/2004	26	6,71	2,31	Trung bình	
30	CDT1202226520227LT51	Đinh Thị Huyền	Trang	09/07/2005	26	7,3	2,81	Khá	
31	CDT1202226520227LT65	Trần Bá	Trọng	13/12/2002	26	7,09	2,62	Khá	
32	CDT1202226520227LT54	Tạ Như	Trung	20/10/2004	26	7,62	3,04	Khá	
33	CDT1202226520227LT57	Đặng Văn	Tuấn	24/12/2004	26	7,86	3,12	Khá	
34	CDT1202226520227LT56	Phạm Văn	Tư	22/07/1999	26	8,46	3,65	Xuất sắc	

Danh sách ấn định: 34 Sinh viên

Trong đó:

Xuất sắc	1
Giỏi	0
Khá	27
Trung bình	6

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày tháng năm 2023

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Chinh

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP HỆ CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số: 1143/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 24 tháng 11 năm 2023)

Lớp: K18CD- ĐIỆN CÔNG NGHIỆP/LIÊN THÔNG

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Lý do chưa đủ điều kiện tốt nghiệp
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	
1	CDT1202226520227LT13	Hoàng Văn	Duy	02/03/2004	26	6,34	2,15	chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
2	CDT1202226520227LT12	Hoàng Văn	Dương	25/01/2004	26	6,84	2,5	chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
3	CDT1202226520227LT09	Tạ Văn	Đức	19/12/2004	26	6,95	2,65	chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
4	CDT1202226520227LT15	Lưu Văn	Giáp	18/03/2004	26	6,88	2,54	chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
5	CDT1202226520227LT16	Nguyễn Đức	Hải	10/01/2005	26	7,61	2,96	chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
6	CDT1202226520227LT64	Nguyễn Văn	Hòa	24/11/2004	24	6,38	1,96	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (24/26)[Các môn chung(2/4: Tiếng Anh 2-TAN1332 (chưa có điểm)); ĐTK HE4 = 1.96; CCGDQPAN chưa đạt, chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
7	CDT1202226520227LT23	Hoàng Xuân	Hùng	11/10/2004	26	6,63	2,23	chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
8	CDT1202226520227LT63	Nguyễn Văn	Huy	01/06/2002	8	2,54	0,8	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (8/26)[Chuyên ngành(6/22: Trang bị điện 2-TBD332 (0), Thực tập tốt nghiệp-TTN332 (0), Điều khiển lập trình cơ nhỏ-DKL322 (chưa có điểm), Năng lượng tái tạo-NTT322 (chưa có điểm), Quản dây máy điện nâng cao-QMD332 (0), Điện khí nén-DKN332 (0)), Các môn chung(2/4: Tiếng Anh 2-TAN1332 (chưa có điểm)); ĐTK HE4 = 0.80; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt, CC GDQPAN chưa đạt
9	CDT1202226520227LT24	Hoàng Văn	Khải	19/05/2005	26	7,1	2,46	chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt
10	CDT1202226520227LT20	Hà Văn	Quyển	31/05/2004	26	6,74	2,58	chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt

11	CDT1202226520227LT40	Nguyễn Hoàng	Sơn	15/11/2004	20	4,76	1,58	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (20/26)[Chuyên ngành(16/22: Trang bị điện 2-TBD332 (0), Điện khí nén-DKN332 (0))]; ĐTK HE4 = 1.58; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
12	CDT1202226520227LT42	Nguyễn Ngọc	Thắng	14/09/2005	26	6,54	2,31	chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
13	CDT1202226520227LT62	Nguyễn Văn	Thắng	03/01/2002	18	5,71	2,05	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (18/26)[Chuyên ngành(16/22: Trang bị điện 2-TBD332 (0), Quản dây máy điện nâng cao-QMD332 (chưa có điểm)), Các môn chung(2/4: Tiếng Anh 2-TAN1332 (chưa có điểm))]; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt, CCQPAN chưa đạt
14	CDT1202226520227LT25	Nguyễn Xuân	Thịnh	25/12/2003	26	6,5	2,27	chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt
15	CDT1202226520227LT53	Nguyễn Tiến	Trung	09/05/2004	26	6,3	2,04	chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
16	CDT1202226520227LT55	Dương Văn	Trường	12/08/2003	20	4,62	1,54	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (20/26)[Chuyên ngành(16/22: Trang bị điện 2-TBD332 (0), Thực tập tốt nghiệp-TTN332 (0))]; ĐTK HE4 = 1.54; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt; CCQPAN chưa đạt
17	CDT1202226520227LT59	Nguyễn Anh	Tùng	19/08/2004	20	5,26	1,85	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (20/26)[Chuyên ngành(16/22: Trang bị điện 2-TBD332 (0), Điện khí nén-DKN332 (0))]; ĐTK HE4 = 1.85; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
18	CDT1202226520227LT35	Lê Công	Vinh	09/09/2004	26	6,69	2,42	chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt

Danh sách ấn định: 18 Sinh viên

TRƯỞNG BAN THỦ KÝ

PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày tháng 11 năm 2023

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Chinh

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

(Kèm theo Quyết định số: 1143/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 24 tháng 11 năm 2023)

Lớp: K18CD- Điện tử công nghiệp/Liên thông

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	CDT1202226520225LT01	Nguyễn Văn	Chà	01/04/2004	26	7,1	2,65	Khá	
2	CDT1202226520225LT50	Nguyễn Văn	Cương	28/09/2004	26	6,65	2,35	Trung bình	
3	CDT1202226520225LT51	Phạm Văn	Cương	03/08/2004	26	6,85	2,31	Trung bình	
4	CDT1202226520225LT03	Nguyễn Mạnh	Cường	17/12/2004	26	6,8	2,27	Trung bình	
5	CDT1202226520225LT55	Lê Văn	Dũng	08/07/2004	26	6,63	2,38	Trung bình	
6	CDT1202226520225LT12	Tạ Quang	Duy	19/12/2004	26	7,75	3,04	Khá	
7	CDT1202226520225LT72	Trần Khánh	Duy	25/06/2002	26	7,53	3	Khá	
8	CDT1202226520225LT09	Hoàng Thanh	Dương	01/11/2004	26	6,82	2,42	Trung bình	
9	CDT1202226520225LT11	Nguyễn Hải	Dương	15/10/2004	26	6,48	2,12	Trung bình	
10	CDT1202226520225LT07	Nguyễn Minh	Đạt	09/10/2004	26	7,22	2,54	Khá	
11	CDT1202226520225LT53	Nguyễn Hoài	Đức	06/08/2004	26	7,54	2,88	Khá	
12	CDT1202226520225LT17	Nguyễn Văn	Hải	16/08/2004	26	6,86	2,46	Trung bình	
13	CDT1202226520225LT21	Tạ Văn	Hiếu	01/08/2004	26	7,01	2,62	Khá	
14	CDT1202226520225LT22	Dương Văn	Hoạch	30/05/2004	26	6,33	2	Trung bình	
15	CDT1202226520225LT60	Nguyễn Tường	Khanh	14/10/2004	26	6,45	2,15	Trung bình	
16	CDT1202226520225LT30	Nguyễn Trung	Kiên	26/08/2004	26	6,59	2,35	Trung bình	
17	CDT1202226520225LT33	Nguyễn Văn	Lâm	30/11/2004	26	7,32	2,85	Khá	
18	CDT1202226520225LT34	Nguyễn Quốc	Mạnh	01/10/2004	26	6,87	2,27	Trung bình	
19	CDT1202226520225LT36	Phạm Văn	Minh	23/11/2004	26	6,92	2,46	Trung bình	
20	CDT1202226520225LT37	Dương Văn	Nam	18/04/2004	26	7,35	2,73	Khá	
21	CDT1202226520225LT38	Ngô Hoàng	Nam	18/02/2004	26	7,64	3,08	Khá	
22	CDT1202226520225LT66	Nguyễn Duy	Thanh	26/03/2004	26	6,8	2,23	Trung bình	
23	CDT1202226520225LT45	Nguyễn Văn	Tích	24/01/2004	26	7,75	3,15	Khá	
24	CDT1202226520225LT46	Nguyễn Văn	Tuấn	28/04/2004	26	6,82	2,42	Trung bình	

Danh sách ấn định: 24 Sinh viên

Trong đó:

Xuất sắc	0
Giỏi	0
Khá	10
Trung bình	14

TRƯỞNG BAN THỦ KÝ

PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày tháng năm 2023

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Chinh

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP HỆ CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số: 1143/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 24 tháng 11 năm 2023)

Lớp: K18CD-ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP/LIÊN THÔNG

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Lý do chưa đủ điều kiện tốt nghiệp
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	
1	CDT1202226520225LT02	Vũ Đức	Cương	01/01/2004	20	4,59	1,35	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (20/26)[Chuyên ngành(16/22: Sửa chữa thiết bị điện công nghiệp-SCT333 (0), Thực tập tốt nghiệp-TTN332 (0))]; ĐTK HE4 = 1.35; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt,CCGDQPAN chưa đạt
2	CDT1202226520225LT54	Đình Tiến	Dũng	10/05/2004	23	5,35	1,62	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (23/26)[Chuyên ngành(19/22: Thực tập tốt nghiệp-TTN332 (0))]; ĐTK HE4 = 1.62; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
3	CDT1202226520225LT10	Nguyễn Hải	Dương	16/07/2001	23	5,85	1,88	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (23/26)[Chuyên ngành(19/22: Thực tập tốt nghiệp-TTN332 (0))]; ĐTK HE4 = 1.88; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt, CCGDQPAN chưa đạt
4	CDT1202226520225LT06	Cao Thành	Đạt	11/09/2004	26	6,68	2,38	chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
5	CDT1202226520225LT05	Hoàng Hải	Đăng	05/11/2004	26	6,43	2,04	chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
6	CDT1202226520225LT08	Trần Xuân	Đồng	05/10/2004	11	2,81	0,81	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (11/26)[Chuyên ngành(7/22: Lập trình nâng cao-LNC323 (0.70), Sửa chữa thiết bị điện công nghiệp-SCT333 (0), Lập trình PLC-LPC333 (0), Điện khí nén-DKN332 (0), Biến tần-BIT323 (1.30), Điện tử nâng cao-DNC323 (0))]; ĐTK HE4 = 0.81; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
7	CDT1202226520225LT14	Hoàng Trường	Giang	14/03/2004	24	5,33	1,42	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (24/26)[Chuyên ngành(20/22: Điện tử nâng cao-DNC323 (0))]; ĐTK HE4 = 1.42; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
8	CDT1202226520225LT16	Trần Mạnh	Hà	24/07/2004	26	6,58	2,31	chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
9	CDT1202226520225LT56	Dương Ngọc	Hải	09/10/2004	26	6,49	2,15	chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt

10	CDT1202226520225LT18	Dương Văn	Hào	18/09/2004	11	2,98	0,73	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (11/26)[Chuyên ngành(7/22: Sửa chữa thiết bị điện công nghiệp-SCT333 (0), Chuyên đề kỹ thuật điện từ-CKD323 (0), Lập trình PLC-LPC333 (1.70), Điện khí nén-DKN332 (1.70), Biện tần-BIT323 (1.20), Điện từ năng cao-DNC323 (0)); DTK HE4 = 0.73; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; CCGDQPAN chưa đạt]	DTK HE4 = 1.92	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (23/26)[Chuyên ngành(19/22: Thực tập tốt nghiệp-TTN332 (0));]; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt	DTK HE4 = 1.85; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt	14	CDT1202226520225LT23	Vũ Đình	Hoan	28/09/2004	26	6,07	1,85	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (24/26)[Chuyên ngành(20/22: Chuyên đề kỹ thuật điện từ-CKD323 (0.70))]	DTK HE4 = 1.46	16	CDT1202226520225LT26	Nguyễn Quang	Huy	30/06/2004	26	5,55	1,46	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (16/26)[Chuyên ngành(12/22: Sửa chữa thiết bị điện công nghiệp-SCT333 (0), Thực tập tốt nghiệp-TTN332 (0), Biện tần-BIT323 (3.60), Điện từ năng cao-DNC323 (0));]; DTK HE4 = 0.96; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt; CCGDQPAN chưa đạt	17	CDT1202226520225LT27	Vũ Đình	Huy	11/08/2004	16	3,78	0,96	DTK HE4 = 1.88; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt	18	CDT1202226520225LT28	Vũ Thách	Kha	08/05/2004	26	6,41	1,88	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (21/26)[Chuyên ngành(17/22: Lập trình năng cao-LNC323 (0), Thực tập tốt nghiệp-TTN332 (0));]; DTK HE4 = 1.54; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt	19	CDT1202226520225LT61	Dương Xuân	Khê	14/02/2004	21	5,03	1,54
----	----------------------	-----------	-----	------------	----	------	------	--	----------------	---	---	----	----------------------	---------	------	------------	----	------	------	--	----------------	----	----------------------	--------------	-----	------------	----	------	------	---	----	----------------------	---------	-----	------------	----	------	------	---	----	----------------------	----------	-----	------------	----	------	------	---	----	----------------------	------------	-----	------------	----	------	------

20	CDT1202226520225LT32	Nguyễn Thanh	Lâm	26/09/2001	23	5,21	1,58	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (23/26)[Chuyên ngành(19/22: Thực tập tốt nghiệp-TTN332 (0))]; ĐTK HE4 = 1.58
21	CDT1202226520225LT35	Nguyễn Tuấn	Minh	01/09/2004	24	6,43	2,23	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (24/26)[Các môn chung(2/4: Tiếng Anh 2-TAN1332 (0))]
22	CDT1202226520225LT62	Nguyễn Văn	Nam	20/01/2004	13	3,02	0,81	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (13/26)[Chuyên ngành(9/22: Lập trình nâng cao-LNC323 (2), Sửa chữa thiết bị điện công nghiệp-SCT333 (0), Thực tập tốt nghiệp-TTN332 (0), Lập trình PLC-LPC333 (0), Điện tử nâng cao-DNC323 (0))]; ĐTK HE4 = 0.81; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
23	CDT1202216520225LT91	Dương Văn	Nguyên	15/03/2003	21	5,69	1,88	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (21/26)[Chuyên ngành(17/22: Thực tập tốt nghiệp-TTN332 (0 0), Kỹ thuật cảm biến-KCB322 (chưa có điểm))]; ĐTK HE4 = 1.88; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt, CCGDQPAN chưa đạt
24	CDT1202226520225LT39	Ngô Hồng	Quân	16/12/2003	23	5,57	1,85	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (23/26)[Chuyên ngành(19/22: Thực tập tốt nghiệp-TTN332 (0))]; ĐTK HE4 = 1.85
25	CDT1202226520225LT40	Nguyễn Văn	Quý	23/07/2004	15	3,52	1	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (15/26)[Chuyên ngành(11/22: Sửa chữa thiết bị điện công nghiệp-SCT333 (0), Thực tập tốt nghiệp-TTN332 (0), Lập trình PLC-LPC333 (0), Điện tử nâng cao-DNC323 (0))]; ĐTK HE4 = 1; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt
26	CDT1202226520225LT63	Nguyễn Văn	Sơn	04/12/2004	24	5,91	1,96	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (24/26)[Chuyên ngành(20/22: Lập trình nâng cao-LNC323 (2))]; ĐTK HE4 = 1.96; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
27	CDT1202226520225LT41	Nguyễn Văn	Thái	13/05/2004	26	7,68	2,96	chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
28	CDT1202226520225LT67	Bế Văn	Thao	27/02/2004	26	5,78	1,46	ĐTK HE4 = 1.46
29	CDT1202226520225LT42	Dương Quang	Thắng	13/09/2004	15	3,26	0,88	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (15/26)[Chuyên ngành(11/22: Sửa chữa thiết bị điện công nghiệp-SCT333 (0), Thực tập tốt nghiệp-TTN332 (0), Lập trình PLC-LPC333 (0), Điện tử nâng cao-DNC323 (0))]; ĐTK HE4 = 0.88; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
30	CDT1202226520225LT43	Nguyễn Hoàng Đức	Thịnh	08/09/2004	26	7,27	2,73	chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt

31	CDT1202226520225LT44	Lê Đức	Thọ	25/08/2000	21	5,67	1,96	ngành(19/22: Thực tập tốt nghiệp-TTN332 (0)),Các môn chung(2/4: Giáo dục chính trị 2-GDC322 (2.80)); ĐTK HE4 = 1.96; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt; chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt, CCGDQPAN chưa đạt
32	CDT1202226520225LT68	Hoàng Đức	Trọng	11/06/2003	23	5,05	1,46	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (23/26)[Chuyên ngành(19/22: Lập trình PLC-LPC333 (0)); ĐTK HE4 = 1.46; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt
33	CDT1202226520225LT69	Nguyễn Thanh	Tú	22/08/2003	26	6,91	2,5	chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
34	CDT1202226520225LT47	Phạm Văn	Tùng	07/10/2004	26	6,1	1,92	ĐTK HE4 = 1.92; chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt
35	CDT1202226520225LT48	Đặng Thế	Tuyển	02/11/2004	26	6,4	2,08	chứng chỉ CCNNA2 chưa đạt
36	CDT1202226520225LT71	Dương Quang	Vinh	05/10/2004	26	5,97	1,69	ĐTK HE4 = 1.69
37	CDT1202226520225LT49	Dương Tuấn	Vũ	13/06/2003	21	6,3	2,26	Chưa tích lũy đủ số TC bắt buộc (21/26)[Chuyên ngành(17/22: Thực tập tốt nghiệp-TTN332 (chưa có điểm), Điện tử nâng cao-DNC323 (2))]

Danh sách ấn định: 37 Sinh viên

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày tháng 11 năm 2023

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Chinh

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

(Kèm theo Quyết định số: 1143/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 24 tháng 11 năm 2023)

Lớp: K18CD- Điện điện tử/Liên thông

STT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Xếp loại TN	Ghi chú
						Điểm hệ 10	Điểm hệ 4		
1	CDT1202226510303LT01	Lê Duy	Anh	23/08/2005	26	7,67	3	Khá	
2	CDT1202226510303LT02	Dương Doãn	Chính	18/11/2005	26	6,42	2,08	Trung bình	
3	CDT1202226510303LT03	Lê Nam	Cường	13/08/2005	26	6,62	2,31	Trung bình	
4	CDT1202226510303LT05	Bàn Văn	Dũng	25/03/2005	26	6,95	2,58	Khá	
5	CDT1202226510303LT14	Nông Hoàng	Ninh	26/08/2005	26	6,34	2,23	Trung bình	
6	CDT1202226510303LT15	Khuất Như	Quỳnh	10/04/2005	26	7,79	3,04	Khá	

Danh sách ấn định: 6 Sinh viên

Trong đó:

Xuất sắc	0
Giỏi	0
Khá	3
Trung bình	3

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày tháng năm 2023
NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Chinh

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP
HỆ CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

(Kèm theo Quyết định số: 1143/QĐ-CDKTKT-ĐT, ngày 24 tháng 11 năm 2023)

Lớp: K18CD-ĐIỆN ĐIỆN TỬ/LIÊN THÔNG

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Số TCTL	Điểm TBCTLTK		Lý do chưa đủ điều kiện tốt nghiệp
					Điểm hệ 10	Điểm hệ 4	
1	CDT1202226510303LT13	Hoàng Trọng Nghĩa	04/03/2004	26	6,54	2,31	chứng chỉ CCTHIC3 chưa đạt

Danh sách ấn định: 01 Sinh viên

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



PGS.TS Nguyễn Văn Bình

Ngày tháng 11 năm 2023
NGƯỜI LẬP



Nguyễn Thị Chính